

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 826/2024/DS-ST
Ngày 26-09-2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân
2. Ông Võ Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không có.

Ngày 26 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 525/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 550/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 645/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 09 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: số H đường N, Tổ A, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: số E Tỉnh lộ 2, Tổ A, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 06 năm 2024 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Trong các ngày 03 tháng 11 năm 2023, 05 tháng 11 năm 2023 và 14 tháng 11 năm 2023, bị đơn nhận của nguyên đơn số tiền lần lượt là 15.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 10.000.000 đồng để làm giấy khai sinh cho ông Lê Thanh T1 và tách thửa đất của ông Phạm Văn H theo Hợp đồng làm giấy khai xanh ngày 03 tháng 11 năm 2023 và Hợp đồng tách thửa ngày 05 tháng 11 năm 2023. Tuy nhiên bị đơn không làm đúng theo hai hợp đồng đã thỏa thuận giữa các bên. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã nhận nhưng bị đơn không hợp tác.

Vì bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nhận tổng cộng là 35.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 20 tháng 08 năm 2024 bị đơn trình bày có ký kết hai hợp đồng dịch vụ nêu trên với nguyên đơn, bị đơn có nhận của nguyên đơn 30.000.000 đồng, đã thực hiện việc đo vẽ hết 5.000.000 đồng, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì bị đơn sẽ trả lại nguyên đơn 25.000.000 đồng, do kinh tế khó khăn bị đơn xin trả khoản nợ trên trong thời hạn hai tháng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã nhận của nguyên đơn là 35.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu vợ của bị đơn cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bị đơn. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng và người tham gia tố tụng:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và chồng của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N tại bản tự khai ngày 16 tháng 08 năm 2024, Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Văn N không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận là 35.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ làm giấy khai xanh ngày 03 tháng 11 năm 2023, Hợp đồng tách thửa ngày 05 tháng 11 năm 2023 và sự xác nhận của bị đơn tại trang 2 của Hợp đồng tách thửa, cùng với lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn bà Cao Thị D đã giao cho bị đơn ông Lê Văn T số tiền 35.000.000 đồng để thực hiện hai hợp đồng dịch vụ nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày bị đơn có ký kết với nguyên đơn Hợp đồng dịch vụ làm giấy khai xanh ngày 03 tháng 11 năm 2023 và Hợp đồng

tách thửa ngày 05 tháng 11 năm 2023, bị đơn có nhận của nguyên đơn 30.000.000 đồng, đã chi phí để thực hiện bản vẽ hết 5.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng, tuy nhiên bị đơn không có chứng cứ nào chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời khai của bị đơn.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện giao kết Hợp đồng dịch vụ làm giấy khai xanh ngày 03 tháng 11 năm 2023 và Hợp đồng tách thửa ngày 05 tháng 11 năm 2023, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký kết. Theo thỏa thuận tại các hợp đồng dịch vụ trên, thì thời hạn để bị đơn làm xong giấy khai sinh cho bên nguyên đơn là 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng là ngày 03 tháng 11 năm 2023 và thời hạn để hoàn thành việc tách thửa quyền sử dụng đất là 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng là ngày 05 tháng 11 năm 2023; tuy nhiên tính đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án, đã quá 10 tháng kể từ ngày các bên ký kết hai hợp đồng trên nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình; căn cứ nội dung thỏa thuận của các bên tại hai hợp đồng dịch vụ trên: nếu không làm được bị đơn sẽ trả lại đủ số tiền đã nhận cho nguyên đơn và căn cứ quy định tại Điều 401 của Bộ luật dân sự: “Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết”, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nhận là 35.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận chỉ giao dịch với bị đơn nên chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, không yêu cầu chồng bị đơn cùng trả nợ, xét thấy, đây là ý chí và sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 20 tháng 08 năm 2024, bị đơn yêu cầu nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn sẽ trả lại cho nguyên đơn 25.000.000 đồng trong thời hạn hai tháng nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 358, 401 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Lê Văn T phải hoàn trả cho bà Cao Thị D số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng dịch vụ làm giấy khai xanh ngày 03 tháng 11 năm 2023 và Hợp đồng tách thửa ngày 05 tháng 11 năm 2023, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho bà Cao Thị D theo biên lai thu số 0015721 ngày 12 tháng 07 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Hoài

